TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:73/2026/QĐCNTTLH	

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, Khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và mục 1 Điều I phần B danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 93/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986
CCCD số: 038086028886
Cư trú tại: TDP 3 Ngọc Trạo, phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá
2. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988
CCCD số: 038188006864
Cư trú tại: TDP C N, phường Q, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Phạm Thị T đến với nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa) năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, mỗi người một ý không ai nhường ai, thường xuyên to tiếng với nhau làm ảnh hưởng đến gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục kéo dài cuộc sống chung với nhau được nữa nên hai bên cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Thanh H và chị Phạm Thị T.

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Thị Phương L (nữ), sinh ngày 18/7/2012, cháu thứ hai tên là Nguyễn Thị Phương V (nữ), sinh ngày 03/3/2014. Sau khi ly hôn vợ chồng thoả thuận giao cả hai cháu L và V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ/cháu (2 cháu là 4.000.000đ/tháng) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2026.

[3] Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí DSST: Anh Nguyễn Thanh H nộp 150.000đ, chị Phạm Thị T nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận anh H nộp thay lệ phí DSST cho chị T.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Phạm Thị T.

--- Về con chung: Vợ chồng thoả thuận giao cả hai cháu Nguyễn Thị Phương L (giới tính: nữ), sinh ngày 18/7/2012 và cháu Nguyễn Thị Phương V (giới tính: nữ), sinh ngày 03/3/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ/cháu (2 cháu là 4.000.000đ/tháng) cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2026.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh H và chị Phạm Thị T mỗi người nộp 150.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận anh H nộp thay cho chị T được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6- Thanh Hoá theo biên lai thu số: 0002246 ngày 26/3/2026. Như vậy, anh H chị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. ***Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.***

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 6;
- Đương sự;
- UBND phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá (ĐK 02/02/2010);
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ